

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/02/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị T, sinh năm 1987

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thanh N, sinh năm 1984 (vắng)

Cùng địa chỉ: khu dân cư ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thanh N quen biết vào năm 2006, đến năm 2008 thì tổ chức cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2008. Sau khi cưới để tiện việc làm ăn nên chị T và anh N về sống chung với cha mẹ của chị T tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh N hay nhậu nhẹt, không chăm lo làm ăn, chị T khuyên thì anh N có những lời lẽ hăm dọa xúc phạm chị T nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

- *Về nuôi con chung*: chị T và anh N chung sống với nhau có 03 con chung gồm Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/10/2008; Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 22/12/2010 và Nguyễn Lê Minh A2, sinh ngày 22/12/2015.

Hiện các con đang sinh sống với anh N và cha mẹ chị T.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung, tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Lê Thị T.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Thanh N không chấp hành quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

Về con chung: giao các cháu Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Tuấn A1 và Nguyễn Lê Minh A2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, anh N không có văn bản trình bày ý kiến nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Lê Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt đương sự*: Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Nguyễn Thanh N vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Thanh N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thanh N tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 239 ngày 17/6/2008. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Thanh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị Lê Thị T xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh N vì cho rằng anh N hay nhậu nhẹt, không chăm lo làm ăn, thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm đe dọa sẽ giết chị T, chị T cảm thấy bất an nên đã sống ly thân với anh N từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, nhiều lần Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu anh N đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T nhưng anh N tự khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, không đến Tòa và không có bất kỳ ý kiến nào mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng; điều này cho thấy anh N không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, để mặc cho hậu quả xảy ra. Như vậy, lý do chị T đưa ra để yêu cầu ly hôn với anh N là đúng sự thật. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

[2.2] Về nuôi con chung:

Chị T và anh N chung sống với nhau có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/10/2008; Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 22/12/2010 và Nguyễn Lê Minh A2, sinh ngày 22/12/2015. Chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung, anh N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con chung.

Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Qua xác minh thu thập chứng cứ thì hiện nay các con của chị T, anh N đang sinh sống cùng với anh N và cha mẹ của chị T tại nhà của cha mẹ chị T. Tuy các cháu đang sinh sống cùng anh N nhưng nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với mẹ, ý kiến của cha mẹ của chị T cũng mong muốn Tòa án giao các cháu cho chị T trực tiếp nuôi con. Theo chị T trình bày thì hiện nay chị T làm nghề tiếp thị vải sợi, thu nhập mỗi tháng khoảng 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, với thu nhập đó chị T đủ điều kiện để nuôi con nên tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của chị T là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: chị T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: chị Lê Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 22/10/2008; Nguyễn Tuấn A1, sinh ngày 22/12/2010; Nguyễn Lê Minh A2, sinh ngày 22/12/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ giao các cháu Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Tuấn A1 và Nguyễn Lê Minh A2 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Thanh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình chị T không được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có, anh N không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 23/6/2020 theo biên lai số BH/2019/0002800 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được chuyển thành án phí chị T phải nộp (chị T đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Thanh N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thiêm